

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Trọng Thủy⁽¹⁾; Lê Đức Chương⁽²⁾
Nguyễn Ngọc Sơn⁽³⁾

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy trong lĩnh vực thể dục thể thao, bài báo đã đánh giá được thực trạng công tác giáo dục thể chất của các trường Trung học cơ sở thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định qua các mặt về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, hoạt động giờ học giáo dục thể chất chính khóa, hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa... Từ đó làm cơ sở để đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng công tác Giáo dục thể chất tại các trường THCS thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Từ khóa: Công tác giáo dục thể chất, Trung học cơ sở, thành phố Quy Nhơn....

Current status of Physical Education activity in secondary schools in Quy Nhon city, Binh Dinh province

Summary:

By using regular research methods in the field of Physical Education and Sports, the authors evaluated the current status of Physical Education activity in secondary schools in Quy Nhon city, Binh Dinh province. The evaluation was done through the aspects of facilities, teachers, regular Physical Education class activities, extracurricular sports activities... And it serves as a basis for providing solutions to improve the quality of Physical Education in secondary schools in Quy Nhon city, Binh Dinh province.

Keywords: Physical education, secondary school, students, extracurricular....

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trong trường học, trong suốt những năm qua, dưới sự chỉ đạo của các cấp, ngành GD&ĐT tỉnh Bình Định đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm đổi mới chương trình, phương pháp dạy và học môn GDTC trong các bậc học, qua đó góp phần kích lệ tinh thần học tập cũng như thúc đẩy phong trào rèn luyện TDTT trong HS các trường học trên địa bàn tỉnh. Vì vậy việc đánh giá thực trạng hoạt động GDTC của các trường THCS thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là căn cứ quan trọng để có những giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác GDTC. Đây là vấn đề có ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất

Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng CSVC phục vụ công tác giảng dạy và hoạt động phong trào TDTT của 20 trường THCS trên địa bàn thành phố Quy Nhơn. Kết quả điều tra thực trạng cho thấy: CSVC phục vụ cho công tác GDTC của các trường THCS trên địa bàn thành phố Quy Nhơn cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác GDTC của nhà trường; Tuy nhiên, đánh giá chung về CSVC của trường còn bộc lộ những hạn chế: chất lượng, số lượng CSVC chưa đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác GDTC của nhà trường.

Về sân bãi, các trường không có nhà tập luyện riêng, chủ yếu sử dụng sân chung hoặc tận dụng các địa hình bằng phẳng của sân trường để bố trí sân tập luyện: Cầu lông, Bóng chuyền, Đá cầu, Điền kinh.... Thậm chí, có trường phải bố trí học GDTC tại các bãi đỗ xe của học sinh. Điều này

⁽¹⁾ThS, ⁽³⁾PGS.TS, Trường Đại học Quy Nhơn

⁽²⁾PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

không những ảnh hưởng đến chất lượng giờ học GDTC khi chất lượng mặt sân, chất lượng đường chạy không đảm bảo mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng giờ học các môn khác. Ngoài ra, việc không có nhà tập luyện cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sức khoẻ của cả thầy cô và học sinh khi tham gia giờ học GDTC vào thời điểm có mưa, gió lạnh hoặc nắng gắt. Yếu tố thời tiết như vậy rất dễ gây chấn thương cũng như có tác động tiêu cực khác đến sức khoẻ của cả thầy/cô và học sinh. Về hồ bơi, mặc dù được các cấp quản lý quan tâm phát triển phong trào phổ cập bơi và chống đuối nước trong nhà trường, tuy nhiên, không nhiều trường đủ điều kiện để thực hiện. Chỉ có 3 trường có diện tích rộng cũng như nhận được sự hỗ trợ khi xã hội hoá việc xây dựng hồ bơi ngay trong khuôn viên nhà trường mới có điều kiện để cho các em được học bơi và phổ cập bơi, chống đuối nước tại trường.

Nếu so sánh số lượng sân tập tại các trường (tính cả sân trường) với tỷ lệ quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo (tất cả các trường đều phải có sân tập đảm bảo từ 2m²/1 học sinh) thì mức độ đáp ứng ở hầu hết các trường đều ở mức độ thấp. Các CSVC, trang thiết bị tập luyện này được sử dụng cho cả công tác GDTC chính khóa (bắt buộc với học sinh toàn trường, 2 tiết/tuần) và hoạt động TDTT NK, do đó không đảm bảo so với yêu cầu quy định.

2. Thực trạng đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất

Về tổng số giáo viên: Qua kết quả khảo sát, gần như các trường đều có giáo viên GDTC chuyên trách đảm nhận, đáp ứng nhu cầu giảng dạy của nhà trường. Trong 20 trường khảo sát có tổng số 60 giáo viên GDTC, trong đó có 44 giáo viên có thâm niên công tác trên 10 năm (chiếm 73%). Tỷ lệ giáo viên GDTC trung bình của mỗi trường đạt 03 người/ trường. Tuy nhiên, với tổng số trung bình 03 giáo viên GDTC/ trường, hướng dẫn tất cả các môn theo nhu cầu của học sinh và tất cả các học sinh thì còn thiếu rất nhiều về số lượng.

Về trình độ giáo viên: 100% các giáo viên tại thời điểm khảo sát đã có trình độ Đại học. Các giáo viên trong diện khảo sát của luận án đều được tham gia tập huấn giảng dạy Võ cổ truyền Bình Định và nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm.

3. Thực trạng hoạt động GDTC của các trường THCS trên địa bàn thành phố Quy Nhơn

3.1. Thực trạng hoạt động GDTC chính khoá

Công tác GDTC chính khoá chủ yếu thực hiện theo sự phân bổ nội dung chương trình của Phòng GD&ĐT thành phố Quy Nhơn. Thời lượng các nội dung trong chương trình GDTC hiện hành thực hiện theo quy định bắt buộc các trường phải dạy theo phân phối chuẩn của Phòng GD&ĐT thành phố Quy Nhơn.

Khung chương trình môn học GDTC cho học sinh THCS trên địa bàn TP. Quy Nhơn tỉnh Bình Định hiện được tiến hành đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT với 70 tiết/ năm, với tổng số từ 8-9 nội dung học tập, tương đương mỗi học kỳ phải học từ 4-5 nội dung, mỗi nội dung dao động trong khoảng 4-8 tiết, không tính nội dung lý thuyết. Thời gian học 2 tiết /tuần, mỗi tiết 45 phút. Trong một năm học có 70 tiết ứng với 35 tuần học, được thực hiện trong hai học kỳ. Kỳ 1 là 36 tiết, kỳ 2 là 34 tiết, dạy theo phân công chuyên môn và thời khóa biểu của trường.

Những nội dung được đưa vào chương trình GDTC cấp THCS hiện nay tại tỉnh Bình Định là cơ bản phù hợp với lứa tuổi, giới tính, sức khỏe, thể lực của học sinh, phù hợp với cơ sở vật chất và khả năng của giáo viên. Nội dung chương trình được cấu trúc theo hướng góp phần phát triển các tố chất cơ bản như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự phối hợp khéo léo. Song GDTC là môn học tập để hình thành kỹ năng vận động, đòi hỏi khoảng thời gian phù hợp để chuyển từ kiến thức thành kỹ năng. Chính vì vậy, phân phối thời gian với quá nhiều nội dung học sẽ khiến học sinh phải học nhiều kiến thức mới, không đủ thời gian chuyển từ kiến thức thành kỹ năng để có thể thực hiện thành thực các nội dung học tập. Hơn nữa, nội dung tự chọn trong chương trình chưa tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh chủ động, sáng tạo trong dạy và học, khuyến khích học sinh tích cực, tự giác trong học tập và rèn luyện thể chất.

Nội dung môn thể thao tự chọn trong chương trình GDTC đã đưa môn VCTBĐ vào giảng dạy nội khóa. Môn VCTBĐ được đưa vào giảng dạy chính khóa 6 tiết/lớp/năm theo Chỉ thị 03 của UBND tỉnh Bình Định. Nội dung phân phối chương trình tự chọn và thời gian học tập môn

BÀI BÁO KHOA HỌC

VCTBĐ ở cấp THCS được trình bày ở bảng 1.

Để đánh giá tính khách quan nội dung môn học tự chọn VCTBĐ trong chương trình GDTC THCS thành phố Quy Nhơn, chúng tôi tiến hành phỏng vấn chuyên gia, giáo viên GDTC các trường. Kết quả cho thấy, ý kiến đánh giá của chuyên gia, các giáo viên GDTC về đánh giá mục tiêu môn VCTBĐ tự chọn trong chương trình GDTC hiện tại ở mức phù hợp, rất phù hợp là 85%; Nội dung chương trình tự chọn hiện nay không đáp ứng được việc phát triển thể lực cho HS được đánh giá 45%; Cấu trúc, phân phối thời lượng từng nội dung cụ thể, được đánh giá chưa hợp lý ở mức 67,5%; Nội dung môn VCTBĐ tự chọn được đánh giá ở mức không phù hợp và không đáp ứng được nhu cầu học sinh ở mức 52,5%; Cần thiết xây dựng lại nội dung tự chọn môn VCTBĐ được đánh giá rất

phù hợp ở mức cao: 77,5%. Qua kết quả trên chúng tôi thấy rất cần thiết phải xây dựng lại nội dung chương trình giảng dạy môn VCTBĐ mới cho phù hợp với tình hình thực tế và giúp cho các em HS cảm thấy thoải mái, ham thích tập luyện môn VCTBĐ hơn.

Để đánh giá toàn diện hơn, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 2236 em học sinh tại 7 trường THCS trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, là đối tượng trực tiếp tham gia vào tập luyện nội dung tự chọn môn VCTBĐ. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2 cho thấy: Các HS có ý thức tập luyện thể thao nhưng do giờ học trên trường quá nhiều, áp lực học từ các môn văn hóa khác rất lớn, nên sau giờ học và tự học các HS cảm thấy mệt mỏi và cũng không có đủ thời gian để luyện tập môn thể thao nào. Ngoài ra, chương trình nội

Bảng 1. Nội dung môn thể thao tự chọn VCTBĐ chương trình GDTC cấp THCS thành phố Quy Nhơn

TT	Nội dung	Số tiết/ lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
A. Phần căn bản công (tay không)					
1	Tấn pháp (8 thế tấn)	1	-	-	-
2	Tấn pháp (7 thế tấn)	1	-	-	-
3	Thủ pháp (4 bộ sơn)	1	-	-	-
4	Thủ pháp (4 bộ sơn)	1	-	-	-
5	Ôn tập Tấn pháp, Thủ pháp		1	-	-
6	Thủ pháp (6 bộ chưởng)		1	-	-
7	Cước pháp (4 đòn chân)		1	-	-
8	Cước pháp (5 đòn chân)		1	-	-
B. Phần quyền tay không					
9	Bài Hùng Kê Quyền (đoạn I)	-	-	4	-
10	Bài Hùng Kê Quyền (đoạn II)	-	-	-	4
C. Phần kiểm tra, tổng kết					
11	Ôn tập, kiểm tra, đánh giá	2	2	2	2
	Tổng	6	6	6	6

Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định 2016

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn học sinh các trường THCS trên địa bàn TP. Quy Nhơn về môn tự chọn Võ cổ truyền Bình Định (n=2236)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		Số phiếu	%
1	Sự hứng thú trong tập luyện môn Võ cổ truyền Bình Định		
	- Thích	1230	45
	- Không thích	380	17
	- Bình thường	850	38
2	Nhận thức về nâng cao sức khỏe, và phát triển tố chất thể lực của HS		
	- Rất quan trọng	45	2
	- Quan trọng	1073	48
	- Bình thường	939	42
	- Không quan trọng	179	8
3	Trong các nội dung của chương trình tập luyện môn Võ cổ truyền Bình Định bạn đã học, bạn thích nội dung nào nhất		
	- Phần căn bản công	749	33.5
	- Quyền tay không	1107	49.5
	- Những bài tập phát triển thể lực	380	17
4	Nội dung nào dưới đây bạn thích thêm vào chương trình giảng dạy		
	- Quyền thuật cơ bản	1118	50
	- Phân thể tập luyện tự vệ	1028	46
	- Song đấu tự do	90	4
5	Em có ý định sẽ tiếp tục tập Võ cổ truyền Bình Định nữa không sau khi kết thúc chương trình học tự chọn trong giờ nội khóa ở trường?		
	- Chắc chắn có	827	37
	- Nếu sắp xếp được thời gian	1274	57
	- Không quan tâm	135	6

dung học GDTC môn tự chọn VCTBĐ còn chưa thu hút được HS do thời gian học quá ít và chưa thể hiện được hết ước muốn của HS.

3.2. Thực trạng hoạt động tập luyện ngoại khóa.

Chúng tôi tiến hành khảo sát 2236 học sinh của 7 trường THCS trên địa bàn thành phố Quy Nhơn về thực trạng mức độ tập luyện ngoại khóa của HS. Kết quả cho thấy, số lượng học sinh có tham gia tập luyện ngoại khóa là khá lớn với 1680 em có tham gia tập luyện rất thường

xuyên và thường xuyên trên tổng số 2236 em học sinh được khảo sát tại 7 trường ở các khối 6, 7, 8, 9 chiếm tỉ lệ 74,98%. Trong đó, môn thể thao được nhiều bạn học sinh thích và lựa chọn nhất là môn võ thuật với 1195 em lựa chọn, chiếm tỉ lệ 53,44%. Tiếp theo là môn Bóng đá với 439 em lựa chọn, chiếm 19,63%. Quy Nhơn được xem là một nơi người dân rất hâm mộ Bóng đá và có nhiều làng võ cổ truyền nổi tiếng. Khi phân tích về hình thức tập luyện được các em học sinh lựa chọn, chúng tôi nhận thấy:



Công tác Giáo dục thể chất của các Trường THCS luôn được quan tâm

trong số 2094 học sinh có tham gia tập luyện ngoại khoá, có tới 778 em lựa chọn hình thức tự tập luyện mà không có người hướng dẫn, chiếm tỉ lệ 37,15%. Số em học sinh còn lại tập luyện theo hình thức có người hướng dẫn hoặc kết hợp là các em sinh hoạt trong các câu lạc bộ thể thao của trường hoặc của các HLV đứng ra mở lớp

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng công tác GDTC của các Trường THCS thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Kết quả cho thấy những mặt tích cực về đội ngũ giáo viên giảng dạy GDTC đã đáp ứng được yêu cầu trình độ chuyên môn để giảng dạy chương trình GDTC theo quy định. Những nội dung được đưa vào chương trình GDTC cấp THCS hiện nay tại tỉnh Bình Định là cơ bản phù hợp với lứa tuổi, giới tính, sức khỏe, thể lực của học sinh phù hợp với CSVC và khả năng của giáo viên. Nhu cầu tập luyện TDTT của học sinh là khá lớn, đặc biệt môn Bóng đá và võ thuật. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn tồn tại những mặt cần cải thiện như CSVC phục vụ công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa đa số là thiếu và chưa đảm bảo về mặt chất lượng. Chương trình GDTC cấp THCS hiện nay tại tỉnh Bình Định còn tồn tại nhiều bất cập,

chưa phát huy được hiệu quả. Nội dung môn thể thao tự chọn VCTBD được đánh giá còn nhiều hạn chế, cần được xây dựng mới cho phù hợp với tình hình thực tế và giúp cho các em HS cảm thấy thoải mái, ham thích tập luyện môn VCTBD hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6-20 tuổi (thời điểm 2001)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
2. Trần Đức Dũng và cộng sự (2014), “Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12 (thời điểm 2002-2014)”, *Đề tài KH&CN cấp Bộ, Bộ văn hoá, Thể thao, Du lịch*.
3. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (2003), *Sinh lý học thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Văn (2001), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 30/10/2023, Phản biện ngày 6/11/2023, duyệt in ngày 30/11/2023
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Trọng Thủy
Email: trongthuydhqn@gmail.com)